

Số: 15/2022/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 09 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 161/2021/ TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích V, sinh năm 1951;

Địa chỉ: 29B1 khu phố A, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1947;

2/ Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: D, Khu phố A, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1966; địa chỉ: E, khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre

(văn bản uỷ quyền ngày 22/02/2022)

3/Anh Lê Thành T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: B, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc K, anh Phạm Ngọc Đ, anh Lê Thành T thừa nhận nợ và đồng ý có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Bích V số tiền vay là 722.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi hai triệu đồng).

Ghi nhận bà V không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

-Các đương sự thoả thuận về thời gian trả nợ cụ thể như sau:

Đến ngày 30/10/2022, bà K, anh Đ, anh T trả cho bà V số tiền là 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023: Bà K, anh Đ, anh T trả cho bà V mỗi tháng 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) trả tiền vào ngày 15 dương lịch hàng tháng.

Trong tháng 01 năm 2024: Bà K, anh Đ, anh T trả cho bà V số tiền còn lại là 192.000.000 đồng (*một trăm chín mươi hai triệu đồng*) là trả dứt nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (hòa giải thành) là 16.440.000 đồng (*mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Bà Phạm Thị Bích V tự nguyện nộp một $\frac{1}{2}$ số tiền án phí nêu trên là 8.220.000 đồng (*tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Ngọc K, anh Phạm Ngọc Đ, anh Lê Thành T phải nộp số tiền án phí là 8.220.000 đồng (*tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Do bà V, bà K là người cao tuổi nên được miễn án phí. Anh Phạm Ngọc Đ và anh Lê Thành T phải liên đới nộp số tiền án phí là 8.220.000 đồng (*tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết